

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2013/NQ- HĐND ngày 13/12/ 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND tỉnh quy định mức chi, quản lý bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2012/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của UBND tỉnh quy định quy định mức chi, lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc rà soát, cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 266/TTr-STP ngày 18/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

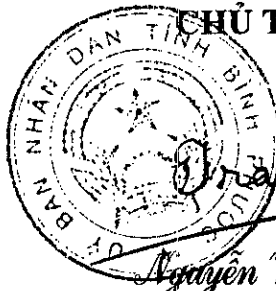
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 63/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (BTP);
- Cục công tác phía Nam (BTP);
- TTTU; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh Bình Phước;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, H 01.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

**Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện
các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng:

- a) Sở Tư pháp;
- b) Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã (gọi tắt là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã) có liên quan đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Phạm vi điều chỉnh:

a) Các quy định này được áp dụng đối với các hoạt động kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

b) Không áp dụng đối với:

- Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức;

- Hoạt động kiểm soát thủ tục xử lý vi phạm hành chính, thủ tục thanh tra, thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện việc triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính do ngân sách địa phương đảm bảo và thực hiện theo phân cấp ngân sách.

2. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm, UBND các cấp được huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp khác để tăng cường thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý.

**Chương II
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI**

Điều 3. Nội dung chi

1. Chi cập nhật, công bố, công khai, kiểm soát chất lượng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Chỉ lấy ý kiến đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; chỉ lấy ý kiến tham gia của các chuyên gia đối với quy định về thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp (chỉ thanh toán đối với các trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ).

3. Chỉ cho các hoạt động rà soát các quy định về thủ tục hành chính: Lập biểu mẫu rà soát, điền biểu mẫu rà soát.

4. Chỉ cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính, các phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính.

5. Chỉ thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành, lĩnh vực.

6. Chỉ báo cáo kết quả rà soát, đánh giá theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực.

7. Chỉ báo cáo tổng hợp, phân tích về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công tác tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên phạm vi toàn tỉnh.

8. Chỉ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

9. Chỉ xây dựng sở tay nghiệp vụ cho công chức làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

10. Chỉ mua sắm hàng hoá, dịch vụ như thiết kế đồ họa, mua sắm trang thiết bị, dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin;

11. Chỉ tổ chức các cuộc thi liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

12. Chỉ hỗ trợ cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

13. Chỉ tổ chức hội nghị; chỉ các đoàn công tác kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính ở trong nước.

14. Chỉ làm thêm giờ.

15. Chỉ điều tra, khảo sát về công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

16. Chỉ các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

17. Các nội dung chỉ khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

Điều 4. Mức chi

Mức chi cụ thể theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Chương III
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ

Điều 5. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

1. Lập dự toán: Căn cứ nhiệm vụ được giao theo kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính của cấp có thẩm quyền, hàng năm (thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước), cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phân bổ và giao dự toán: Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan Tài chính phân bổ và giao dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị trong đó bao gồm kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Sử dụng và quyết toán kinh phí:

a) Kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính được sử dụng và quyết toán theo quy định hiện hành.

b) Kinh phí thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính chi cho nội dung nào, thì hạch toán vào mục chi tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, các cơ quan, đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kịp thời./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

Phụ lục
MỨC CHI BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG
KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND
ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung chi	Mức chi
1	Chi cập nhật, công bố, công khai, kiểm soát chất lượng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	
a	Chi cập nhật thủ tục hành chính vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	7.000 đồng/trang
b	Chi công bố, công khai thủ tục hành chính	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.
2	Chi cho ý kiến đối với thủ tục hành chính quy định trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của địa phương	200.000 đồng/01 văn bản
3	Chi cho các hoạt động rà soát các quy định về thủ tục hành chính	
a	Chi lập mẫu rà soát.	- Đến 30 chỉ tiêu: 500.000đồng/phiếu mẫu được duyệt - Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 750.000/phiếu mẫu được duyệt - Trên 40 chỉ tiêu: 1.000.000đồng/phiếu mẫu được duyệt
b	Chi điền mẫu rà soát	- Cá nhân: + Dưới 30 chỉ tiêu: 30.000đồng/phiếu + Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 40.000 đồng/phiếu + Trên 40 chỉ tiêu: 50.000đồng/phiếu - Tổ chức: + Dưới 30 chỉ tiêu: 70.000 đồng/phiếu + Từ 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 85.000 đồng/phiếu + Trên 40 chỉ tiêu: 100.000đồng/phiếu
4	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đối với các quy định về thủ tục hành chính, các phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính	

a	Người chủ trì cuộc họp.	150.000 đồng/người/buổi
b	Các thành viên tham dự họp.	100.000 đồng/người/buổi
5	Chi thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành, lĩnh vực	
a	Thuê theo tháng	7.000.000 đồng/người/tháng
b	Thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản	400.000 đồng/văn bản
6	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá theo chuyên đề, theo ngành, lĩnh vực	- Đối với Sở, ban, ngành và cấp huyện: 1.000.000 đồng/01 báo cáo - Đối với cấp xã: 500.000 đồng/01 báo cáo
7	Báo cáo tổng hợp, phân tích về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công tác tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên phạm vi toàn tỉnh	1.000.000 đồng/ báo cáo
8	Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính	Theo quy định hiện hành về chế độ khen thưởng
9	Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính	Theo quy định hiện hành về chế độ chi trả nhuận bút
10	Chi mua sắm hàng hoá, dịch vụ ...	Theo Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân
11	Chi tổ chức các cuộc thi liên quan đến công tác cải cách thủ tục hành chính	Theo quy định tại Quyết định số 53/2011/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND tỉnh quy định định mức chi, quản lý bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh
12	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành, huyện, xã (Danh sách cán bộ, công chức làm	- Cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành, huyện: 20.000 đồng/người/ngày (ngày làm việc);

	<i>đầu mối kiểm soát TTHC của cấp nào do UBND cấp đó phê duyệt)</i>	- Cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại xã: 15.000 đồng/người/ngày/ngày làm việc
13	Chi tổ chức hội nghị; chi các đoàn công tác kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính ở trong nước.	Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 6/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập
14	Chi làm thêm giờ	Chi theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 5/1/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức
15	Chi điều tra, khảo sát về công tác kiểm soát thủ tục hành chính	Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê
16	Chi các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác kiểm soát thủ tục hành chính	Thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
17	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính	Chi theo quy định hiện hành bảo đảm có hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp